

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DSST

Ngày: 19-9-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Liêm

2. Ông Bùi Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Việt Nam; Địa chỉ trụ sở: Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu Quốc V - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T - Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Mai Thị Minh T - Trưởng phòng khách hàng - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T - Quảng Nam. Bà T có mặt

2. Bị đơn: ông Hoàng Anh T, sinh năm 1978 và bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là xã C, thành phố Đà Nẵng). Ông T và bà P đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T- Quảng Nam với vợ chồng ông Hoàng Anh T và bà Phan Thị Mỹ P ký kết hợp đồng tín dụng vào ngày 15/12/2022, bên vay là ông T và bà P. Theo hợp đồng tín dụng, ông T và bà P đã vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn cho vay 36 tháng. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn, ông T và bà P đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng cam kết, để nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông T và bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và lãi vay cho Ngân hàng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (hết ngày 18/9/2025), ông T và bà P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 373.725.318 đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 287.394.521 đồng, nợ lãi trong hạn là 86.330.797 đồng; và trả tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay.

Nếu ông T và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp số 396.2017/HĐTC ký kết ngày 19/11/2017 và các Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo giữa Agribank Chi Nhánh T - Quảng Nam (bên nhận thế chấp) và ông T, bà P (bên thế chấp) là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số CC 852020, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 11 tháng 7 năm 2016 và nhà ở gắn liền với đất.

- Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 12/5/2025, bị đơn ông Hoàng Anh T trình bày: Năm 2022, ông và vợ là Phan Thị Mỹ P có vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T, Quảng Nam với số tiền vay là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, vợ chồng ông có thế chấp nhà và đất tại thửa đất số 803, tờ bản đồ số 01 thuộc xã T, huyện P để bảo đảm khoản vay này. Tuy nhiên, do gia đình lâm vào khó khăn nên không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo đúng cam kết đã ký. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông chấp nhận nhưng gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ, xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 12/5/2025, bị đơn bà Phan Thị Mỹ P trình bày: Ngày 15/12/ 2022, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T với số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Tính đến ngày 11/3/2025 (ngày ngân hàng khởi kiện tại Toà Án) số nợ còn lại là 358.607.881 đồng, số tiền gốc là 287 394. 521 đồng, số tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) tạm tính đến ngày 11/3/2015 là 71. 213.360 đồng. Nay hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, mong Ngân hàng tạo điều kiện xem xét cho vợ chồng bà được

vay lại. Nếu không được bà tuân thủ theo những bước qui trình pháp lý của pháp luật và Ngân hàng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc ông Hoàng Anh T và bà Phan Thị Mỹ P phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T, Quảng Nam tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn vợ chồng ông Hoàng Anh T và bà Phan Thị Mỹ P có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là xã C, thành phố Đà Nẵng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Hoàng Anh T và bà Phan Thị Mỹ P đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông T.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Anh T và bà Phan Thị Mỹ P trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng số 4225-LAV-202201076 ngày 15/12/2022 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T, Quảng Nam với vợ chồng ông Hoàng Anh T và bà Phan Thị Mỹ P, thể hiện ông T, bà P đã vay tại Ngân hàng số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn cho vay 36 tháng.

Xét Hợp đồng tín dụng số 4225-LAV-202201076 ký kết giữa Ngân hàng và ông T, bà P đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực được quy định tại các Điều 385, 398, 401, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực

pháp luật, các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình vay vốn, vợ chồng ông T và bà P đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng cam kết, để nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 18/9/2025, ông T và bà P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 373.725.318 đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 287.394.521 đồng, nợ lãi trong hạn là 86.330.797 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T thừa nhận ông và vợ là Phan Thị Mỹ P có vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T, Quảng Nam với số tiền vay là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, vợ chồng ông có thế chấp nhà và đất tại thửa đất số 803, tờ bản đồ số 01 thuộc xã T để bảo đảm khoản vay này. Tuy nhiên, do gia đình lâm vào khó khăn nên không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng cam kết đã ký. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông chấp nhận nhưng gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ, xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông T và bà P đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do; tại bản trình bày, bà P có ý kiến thừa nhận khoản nợ vay của nguyên đơn đã nêu nhưng mong Ngân hàng tạo điều kiện xem xét cho vợ chồng bà được vay lại, nếu không được bà tuân thủ theo những bước quy trình pháp lý của pháp luật và Ngân hàng.

Như vậy, vợ chồng ông T và bà P đều thừa nhận khoản nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T, Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng đã ký và hiện nay chưa trả hết. Do đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu vợ chồng ông T và bà P trả nợ vay tính đến hết ngày 18/9/2025 là 373.725.318 đồng (trong đó có tiền gốc là 287.394.521 đồng và tiền lãi trong hạn là 86.330.797 đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông T và bà P phải trả khoản nợ này cho Ngân hàng. Nếu ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đúng hạn thì phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2025, mức lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ vay. Tài sản bảo đảm khoản vay thực hiện theo hợp đồng thế chấp số 396.2017/HĐTC, ký ngày 19/11/2017 và các Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo, giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T, Quảng Nam và vợ chồng ông T, bà P.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 2.000.000 (hai triệu) đồng nên Ngân hàng được hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn vợ chồng ông T và bà P phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng và bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền này.

[5] Về án phí: Theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông T và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc vợ chồng ông Hoàng Anh T và bà Phan Thị Mỹ P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 373.725.318 (Ba trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm mười tám) đồng, trong đó: nợ gốc là 287.394.521 (Hai trăm tám mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một) đồng và nợ lãi trong hạn là 86.330.797 (Tám mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn bảy trăm chín mươi bảy) đồng (tính đến hết ngày 18/9/2025).

Kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2025, vợ chồng ông T và bà P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền gốc còn nợ, theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4225-LAV-202201076 ngày 15/12/2022 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T Quảng Nam với vợ chồng ông T và bà P, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

Tài sản bảo đảm khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 396.2017/HĐTC, ký ngày 19/11/2017 và các Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo, giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T Quảng Nam và vợ chồng ông T, bà P.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: vợ chồng ông T và bà P phải chịu 18.686.000 (Mười tám triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.965.000 (Tám triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018120 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, thành phố Đà Nẵng).

* Về chi phí tố tụng khác:

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 1.000.000 (một triệu) đồng.

Vợ chồng ông T và bà P chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 (một triệu) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/9/2025); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân